TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày 04/3/2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Vi Tình.
Ông Phạm Đông Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-DS ngày 22/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-DS ngày 06/02/2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Cao H, sinh năm 1972. Số căn cước công dân: 051972011319; Địa chỉ: tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai, có mặt.

Bị đơn: + Anh Trịnh Kim P, sinh năm 1973. Số căn cước công dân: 064073004421; Địa chỉ: tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.
+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. Số căn cước công dân: 052171011049; Địa chỉ: tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2025 anh Cao H trình bày:

Anh Cao H và vợ chồng anh Trịnh Kim P, chị Nguyễn Thị N có quen biết với nhau nên vào ngày 06/8/2018 anh H có cho anh P và chị N vay số tiền 100.000.000đồng và hẹn đến ngày 30/3/2019 sẽ trả hết số nợ trên. Tuy nhiên đã hết thời hạn cam kết trả nợ nhưng đến nay vợ chồng anh P và chị N vẫn không trả số tiền đã vay. Nay anh H yêu cầu Tòa án buộc anh P và chị N phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng và 30.000.000đồng tiền lãi. Tổng cộng 130.000.000đồng.

Ngày 21/01/2026 anh H có đơn rút yêu cầu phần tính lãi, không yêu cầu anh P và chị N phải trả số tiền lãi là 30.000.000đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 28/12/2025 anh Trịnh Kim P và chị Nguyễn Thị N trình bày:

Anh H yêu cầu vợ chồng anh P và chị N trả số tiền 100.000.000đồng nợ gốc và 30.000.000đồng tiền lãi, anh P và chị N trình bày ý kiến như sau.

Năm 2019 anh P và chị N có vay của anh H số tiền là 100.000.000đồng với tiền lãi 36% /năm. Anh H giao tiền cho vợ chồng anh P và chị N bằng tiền mặt và lập giấy vay tiền tại thời điểm đó. Anh P và chị N đã trả tiền cho anh H theo các lần như sau:

Năm 2019, 2020 và 2021 mỗi năm trả 36.000.000đồng, trả bằng tiền mặt tại nhà anh H và không ghi biên nhân.

Năm 2022 trả 15.000.000 đồng, trả bằng tiền mặt tại nhà anh H và không ghi biên nhận.

Năm 2023 trả 20.000.000 đồng, trả bằng tiền mặt tại nhà anh H và không ghi biên nhận.

Tổng số tiền mà anh P và chị N đã trả cho anh H là 143.000.000đồng. Vì vậy anh P và chị N sẽ không trả tiền theo yêu cầu của anh H.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2026 giữa anh Cao H và chị Nguyễn Thị N thống nhất: Hiện tại vợ chồng anh Trịnh Kim P và chị Nguyễn Thị N còn nợ anh Cao H số tiền là 100.000.000đồng.

Anh H yêu cầu Tòa án buộc anh P và chị N liên đới trả số tiền 100.000.000đồng.

Chị N xin được trả cho anh H số tiền là 65.000.000đồng là hết nợ. Nếu anh H đòi trả 100.000.000đồng thì để chị N về trao đổi lại với anh P, nên giữa anh Cao H và chị Nguyễn Thị N không thống nhất được số tiền trả nợ, thời gian và phương án trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Cao H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trịnh Kim P và chị Nguyễn Thị N phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Trịnh Kim P, nhưng anh P không đến Tòa án để tham gia tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét về nội dung vụ án:

Qua lời khai của các đương sự tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do anh H cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 06/8/2018 anh H có cho anh P và chị N vay số tiền 100.000.000đồng và hẹn đến ngày 30/3/2019 sẽ trả hết số nợ trên và có viết giấy vay mượn tiền ghi ngày 06/8/2018. Tuy nhiên từ đó đến nay anh P và chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh H. Vì vậy anh H đề nghị Tòa án buộc anh P và chị N phải liên đới trả cho anh H toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng.

Xét về giao dịch giữa các bên là hợp đồng vay tài sản, hình thức giao dịch giữa các bên được thể hiện bằng văn bản, có ghi sự thỏa thuận của các bên về số tiền, và

thời hạn trả nợ, sự thỏa thuận giữa các bên không trái quy định pháp luật nên được xem là giao dịch hợp pháp theo quy định tại Điều 463, của Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu về khoản tiền lãi, ngày 21/01/2026 anh H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi với số tiền là 30.000.00đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với khoản tiền lãi trên đã hết thời hiệu khởi kiện, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, việc anh H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện nên được Tòa án chấp nhận. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H theo quy định tại Điều 217; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét yêu cầu của anh H đề nghị Tòa án buộc anh P và chị N phải liên đới trả số tiền gốc là 100.000.000đồng. Anh H cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay mượn tiền ghi ngày 06/8/2018 để chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của anh H bị xâm phạm. Hai bên thỏa thuận đến ngày 30/3/2019 sẽ trả hết số tiền nợ, nhưng anh P và chị N không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đã trả nợ cho anh H nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, của Bộ luật Dân sự.

Trong qua trình Tòa án giải quyết vụ án tại văn bản trình bày ý kiến ngày 28/12/2025 anh P và chị N cho rằng đã trả cho anh H số tiền là 143.000.000đồng nhưng không có viết giấy biên nhận, không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hơn nữa tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2026 chị N thừa nhận hiện tại vợ chồng chị N và anh P còn nợ anh Cao H số tiền 100.000.000đồng nên không cần phải chứng minh bằng chứng cứ khác và là cơ sở để bác bỏ việc anh P và chị N cho rằng đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh H số tiền 143.000.000đồng trước đó.

Từ những nhận định trên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử buộc anh Trịnh Kim P và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho anh Cao H toàn bộ số tiền gốc là 100.000.000đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu của anh H được Tòa án chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Anh Trịnh Kim P và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao H.

Buộc anh Trịnh Kim P và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Cao H toàn bộ số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng)

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao H buộc ông anh Trịnh Kim P và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền lãi là 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Anh Cao H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh H số tiền tạm ứng án phí là 3.250.000đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006614 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Buộc anh Trịnh Kim P và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới nộp 5.000.000đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 04/3/2026. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Bình